

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán đối với nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội năm 2023 đã giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 503/TTr-STC ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán đối với nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội năm 2023 đã giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2023 đã giao tại QĐ 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh	Dự toán KP điều chỉnh		Dự toán KP năm 2023 sau khi điều chỉnh
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	TỔNG SỐ	22.309	1.976,232	-1.976,232	22.309
1	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	3.692		-1.197	2.495
	- Tiền lương hợp đồng lao động theo Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	292		-0,638	291,362
	- Chi hỗ trợ cho đối tượng (tiền ăn, thuốc, vật dụng tư trang và các khoản khác)	3.400		-1.196,362	2.203,638
2	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	15.546		-284,054	15.261,946
	- Tiền lương hợp đồng lao động	2.618		-1,156	2.616,844

	động theo Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh				
	- Chi hỗ trợ cho đối tượng (tiền ăn, thuốc, vật dụng tư trang và các khoản khác)	12.403		-216,066	12.186,934
	- Cấp bù cho đối tượng theo QĐ số 1183/QĐ-UBND và QĐ số 5090/QĐ-UBND của UBND tỉnh	472		-54,482	417,518
	- Hỗ trợ KP phục vụ công tác Phòng cháy chữa cháy	53		-12,350	40,650
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy	643		-150	493
	- Chi hỗ trợ đối tượng Cai nghiện ma túy bắt buộc và và đối tượng tự nguyện	400		-70	330
	- KP đối tượng nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định	49		-20	29
	- KP đối tượng lang thang, cơ nhỡ, xin ăn	194		-60	134
4	Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	2.428	1.976,232	-345,178	4.059,054
	- KP phục vụ điều dưỡng người có công với cách mạng	121		-121	0
	- KP thực hiện Chương trình quốc gia về người cao tuổi (<i>chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi và điều tra thống kê, rà soát công tác người cao tuổi</i>)	2.307		-224,178	2.082,822
	- Bổ sung KP in Kỷ yếu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và KP trợ cấp mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		1.976,232		1.976,232

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý, sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích, đúng đối tượng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K20.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

